TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HS-ST
Ngày: 19/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hướng

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn M, sinh ngày 04/3/1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hòa E và bà Hoàng Thị A (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T và 03 người con, nhỏ nhất sinh năm 2023; về nhân thân: Ngày 31/12/2007, bị Ủy ban nhân dân tỉnh T đưa vào cơ sở giáo dưỡng 12 tháng; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 15/9/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại Bản án số 29/2022/HS-ST; ngày 07/7/2023 bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/6/2024, sau đó chuyển tạm giam từ 02/7/2024 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 29/6/2024, Lê Văn M điều khiển xe mô tô BKS 75F3-0095 đi từ nhà đến đường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để mua ma tuý về sử dụng. Khi đến nơi, M gặp một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch để mua ma tuý. M đưa cho thanh niên này 200.000 đồng và người thanh niên giao cho M 01 gói ni lông màu trắng bên trong có chứa 09 viên nén màu đỏ, M bỏ gói ni lông trên trong túi quần trước phía bên trái và điều khiển xe mô tô BKS 75F3-0095 chạy về xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng ma túy, khi đến đoạn đường thuộc thôn P, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị Công an xã B phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xử lý.

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã ra Quyết định trưng cầu số 348/QĐ-ĐCSMT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định xác định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 460/KL-KTHS ngày 03/7/2024 của Phòng K công an tỉnh T, kết luận:

"09 (chín) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có tổng khối lượng là 0,8045 gam (không phẩy tám không bốn năm gam), là ma túy loại Methamphetamine.

*** Về vật chứng thu giữ gồm:**

- Thu giữ 09 (chín) viên nén có dạng hình trụ tròn, màu đỏ (đã được niêm phong và gửi giám định theo quy định); 01 xe máy BKS 75F3-0095, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, xe mô tô số A0012535 cấp ngày 23/9/1999 đối với xe có BKS 75F3-0095;

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSHT ngày 11/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà đã truy tố bị cáo Lê Văn M về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để tuyên bố bị Lê Văn M phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù;

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị ap dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 09 (chín) viên nén có dạng hình trụ tròn; trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 xe máy BKS 75F3-0095 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, xe mô tô;

+ Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 09 phút ngày 29 tháng 6 năm 2024, tại đoạn đường thuộc thôn P, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Lê Văn M đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,8045gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị Công an xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện, bắt giữ quả tang cùng tang vật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà đã truy tố Lê Văn M theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Lê Văn M có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Lê Văn M đang có tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn M có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho mình mà vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo không có ý thức rèn luyện trở thành công dân tốt. Vì vậy, cần xử bị cáo hình phạt tù với thời hạn tương xứng để bị cáo có đủ thời gian tu dưỡng, rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong, bên trong đựng mẫu vật sau giám định gồm: 0,6045g mẫu bột được nghiền từ 09 (chín) viên nén hình trụ tròn, màu đỏ;

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 xe máy BKS 75F3-0095;

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số A0012535 cấp ngày 23/9/1999 đối với xe BKS 75F3-0095 là chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sẽ được trả lại cho chị Nguyễn Thị T sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn M 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 29/6/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong bằng giấy trắng bên trong đựng mẫu vật sau giám định gồm 0,6045g mẫu bột được nghiền từ 09 (chín) viên nén có dạng hình trụ tròn, màu đỏ.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 xe máy BKS 75F3-0095;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số A0012535 cấp ngày 23/9/1999 đối với xe có BKS 75F3-0095 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (chứng cứ này đang lưu tại hồ sơ vụ án);

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT. Huế;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- CA thị xã Hương Trà;
- Chi cục THA TX. Hương Trà;
- Bi cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Thị Mộng Trinh